

LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐỊNH HÌNH CÁCH TIẾP CẬN HOÀN TOÀN MỚI CHO PHÁT TRIỂN QUỐC GIA THỜI KỲ HỘI NHẬP

✍ TS. Lê Tuấn Giang

● **TÓM TẮT:** Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST) ngày càng trở thành động lực cốt lõi của tăng trưởng ở hầu hết các nền kinh tế. Mô hình phát triển dựa vào tài nguyên, lao động giá rẻ và tăng trưởng theo chiều rộng đang dần chạm trần. Việt Nam, trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức, buộc phải tái định vị vai trò của tri thức, công nghệ và sáng tạo như một nguồn lực sản xuất mới... Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ vẫn còn mang nhiều đặc thù của mô hình quản lý hành chính - dự án, trong khi đổi mới sáng tạo đòi hỏi sự linh hoạt, chấp nhận rủi ro, cơ chế tài chính thông minh và hệ sinh thái mở. Các vướng mắc như thủ tục tài chính rườm rà, quy định khép kín, cơ chế đặt hàng chậm, định mức chi không phù hợp... đang kìm hãm tốc độ phát triển, cần được khắc phục sớm. Chính trong bối cảnh đó, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025 được kỳ vọng tạo ra cú chuyển hướng chiến lược thực sự.

● **Từ khóa:** Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; định hình cách tiếp cận mới; đổi mới sáng tạo.

● **ABSTRACT:** Science, technology and innovation (STI) are increasingly becoming the core drivers of growth in most economies. Development models based on natural resources, cheap labor and extensive growth are gradually reaching their limits. Vietnam, in its transition toward a knowledge-based economy, is compelled to reposition the role of knowledge, technology and creativity as new productive resources. However, the current legal framework for science and technology still bears many characteristics of an administrative-project-based management model, while innovation requires flexibility, risk acceptance, smart financial mechanisms and an open ecosystem. Obstacles such as cumbersome financial procedures, rigid regulations, slow procurement mechanisms, and unsuitable spending norms are constraining development and must be addressed promptly. In this context, the Law on Science, Technology and Innovation 2025 is expected to deliver a truly strategic shift.

● **Keywords:** Science, technology and innovation; shaping a new approach; innovation.

Ngày nhận bài: 26/8/2025 Ngày bình duyệt: 20/11/2025 Ngày duyệt đăng: 25/11/2025

Luật Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 tạo ra cách tiếp cận mới bằng cách định vị doanh nghiệp là trung tâm của hệ sinh thái, chính thức đưa đổi mới sáng tạo lên ngang hàng với khoa học và công nghệ, và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện. Luật thay đổi từ mô hình quản lý “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” để giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng cường sự minh bạch, đồng thời thiết lập các cơ chế mới cho sở hữu trí tuệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và thử nghiệm có kiểm soát.

MƯỜI (10) ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO:

1. Luật khẳng định rõ ràng vai trò nền tảng của khoa học và công nghệ. Khoa học, công nghệ được xem là yếu tố then chốt, động lực để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

2. Đổi mới sáng tạo, lần đầu tiên được đưa vào Luật và được đặt ngang hàng với khoa học công nghệ. Đây là một sự thay đổi căn bản trong tư duy phát triển.

3. Chuyển mạnh mẽ tư duy quản lý từ kiểm soát quy trình và đầu vào, sang quản lý kết quả và hiệu quả đầu ra, chấp nhận rủi ro. Trọng tâm quản lý nhà nước không còn là cách thức thực hiện, mà là kết quả nghiên cứu mang lại và tác động thực tiễn.

4. Luật xác lập định hướng rõ ràng về việc chuyển từ một quốc gia chủ yếu sử dụng công nghệ sang làm chủ các công nghệ chiến lược. Các công nghệ này có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế và an ninh quốc gia.

5. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ lấy thị trường, định hướng sản phẩm làm động lực, định hướng cho phát triển công nghệ và xác định các bài toán nghiên cứu liên quan. Phương pháp này sẽ giúp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu thực tiễn và tạo ra giá trị thiết thực.

6. Đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học thành các trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành các trung tâm nghiên cứu trình độ cao gắn với đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo đảm phối hợp hiệu quả với mạng lưới viện nghiên cứu chuyên ngành.

7. Chuyển trọng tâm phát triển công nghệ về doanh nghiệp. Lần đầu tiên, Luật dành một chương riêng (chương IV) để quy định các chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

8. Luật hướng tới cân bằng nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, khuyến khích kết hợp liên ngành. Điều này nhằm đảm bảo các công nghệ phát triển gắn liền với giá trị đạo đức cốt lõi của nhân loại.

9. Định hướng phát triển khoa học, công nghệ trong một hệ sinh thái hoàn chỉnh và cân bằng. Hệ sinh thái này bao gồm thể chế, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực và các chủ thể như doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, nhà khoa học, định chế tài chính, tổ chức trung gian, trung tâm đổi mới sáng tạo và quỹ đầu tư mạo hiểm.

10. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động khoa học công nghệ và quản lý khoa học công nghệ. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển sẽ sử dụng nền tảng số quốc gia để quản lý đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ và các loại hình chi khác sử dụng ngân sách nhà nước.

Chính 10 điểm mới nêu trên thể hiện sự chuyển mình căn bản trong định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ở góc nhìn có tính tổng quan hơn, các điểm mới tạo nên cách tiếp cận mới, bao gồm:

- Luật xác định doanh nghiệp là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, thay vì chỉ là người thực thi.

- Lần đầu tiên, đổi mới sáng tạo được luật hóa toàn diện và được đặt ngang hàng với khoa học và công nghệ, xem như động lực chính cho sự phát triển.

- Cải cách quản lý: Thể hiện ở 2 nội dung: (1) Chuyển từ *tiền kiểm sang hậu kiểm* - Nghĩa là chuyển từ kiểm tra trước khi thực hiện sang quản lý dựa trên kết quả, gắn với quản lý số hóa để giảm thủ tục hành chính. (2) *Thúc đẩy chuyển đổi số*: Xây dựng nền tảng số và hệ thống thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để tăng cường kết nối dữ liệu.

- Cơ chế sở hữu tài sản trí tuệ cũng thay đổi, thể hiện ở 2 vấn đề: (1) *Trao quyền sở hữu*: Chuyển từ mô hình “xin - cho” sang “tự quyết - đồng hành” đối với kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước. (2) *Minh bạch hóa tài sản*: Tăng cường sự minh bạch trong quản lý và sử dụng tài sản trí tuệ, tạo nền tảng pháp lý cho việc chuyển giao và thương mại hóa.

- Cơ chế tài chính mới: Luật hóa cơ chế «sandbox» để thử nghiệm có kiểm soát cho các công nghệ mới nổi, giảm thiểu rủi ro pháp lý. Nhà nước sẽ hỗ trợ tài chính cho các hoạt động sáng kiến và đổi mới sáng tạo, đồng thời các chi phí này có thể được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai các chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

ĐỊNH HÌNH CÁCH TIẾP CẬN MỚI TRONG LUẬT KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 2025

1. Đổi mới từ tư duy lập pháp:

- Chuyển từ “quản lý” sang “tạo lập điều kiện”: Luật mới hướng tới mục tiêu cụ thể: Nhà nước là kiến tạo, đặt ra “sân chơi” và chuẩn mực; Tăng vai trò tự chủ và tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ; Giảm mạnh thủ tục hành chính, tăng kiểm soát bằng chất lượng đầu ra.

- Đưa đổi mới sáng tạo thành trục chính: Thay vì coi đổi mới sáng tạo chỉ là một phần của hoạt động khoa học và công nghệ, luật mới định vị đổi mới sáng tạo là phạm trù rộng, bao gồm đổi mới mô hình kinh doanh,

quy trình, phương thức quản trị, công cụ số, dữ liệu và tri thức. Chính sách không chỉ hướng vào viện, trường mà mở rộng sang các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp công nghệ cao và startup, tổ chức trung gian đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm, hệ sinh thái địa phương.

- Mở rộng phạm vi nguồn lực: Luật mới xác lập nguyên tắc “vốn nhà nước dẫn dắt, vốn tư nhân bứt phá”, tạo cơ chế để huy động vốn xã hội cho nghiên cứu - đổi mới, chia sẻ rủi ro với doanh nghiệp, hình thành thị trường công nghệ minh bạch và thúc đẩy tài sản trí tuệ trở thành tài sản có giá trị giao dịch.

2. Ba thay đổi mang tính đột phá:

- Cơ chế tài chính linh hoạt, chấp nhận rủi ro: Luật mới đưa vào các cơ chế mang tính thị trường, như: Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, mở rộng các khoản chi được phép; Cho phép tỷ lệ rủi ro trong nghiên cứu - điều chưa từng được thừa nhận rõ ràng trước đây; Nói lỏng quy định mua sắm đặc thù cho nghiên cứu; Mở rộng hình thức ký quỹ, bảo lãnh, đặt hàng nghiên cứu theo nhu cầu thị trường.

- Tự chủ mạnh cho viện, trường và các tổ chức khoa học và công nghệ: Theo luật, các tổ chức khoa học công nghệ có quyền: Chủ động tổ chức nhân sự; tự quyết định sử dụng tài sản, thiết bị, kết quả nghiên cứu; liên kết doanh nghiệp và chia sẻ lợi ích từ thương mại hóa.

- Phát triển thị trường khoa học - công nghệ và dữ liệu: Luật mới hướng tới: Sàn giao dịch công nghệ hoạt động theo chuẩn quốc tế; Kết quả nghiên cứu được định giá, chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn; Dữ liệu khoa học trở thành tài sản mở, thúc đẩy AI, phân tích dữ liệu lớn, điện toán đám mây; Vai trò của “nhà môi giới công nghệ”, “tổ chức tư vấn - định giá công nghệ” được pháp lý hóa.

Định hình hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia: Luật mới thiết kế hệ sinh thái đổi mới sáng tạo theo cấu trúc liên kết bốn nhà mở rộng, gồm:

- Nhà nước: Tạo khung pháp lý, ưu đãi thuế, quỹ hỗ trợ, cơ chế thử nghiệm (sandbox) cho công nghệ mới như AI, blockchain, y sinh, năng lượng sạch.

- Nhà khoa học: Được trao quyền tự do sáng tạo, gắn nghiên cứu với nhu cầu thực tế.

- Nhà doanh nghiệp: Được ưu tiên tiếp nhận công nghệ, tham gia chương trình đổi mới sáng tạo quốc gia, hưởng ưu đãi khi đầu tư R&D.

- Nhà đầu tư: Được bảo hộ pháp lý rõ ràng khi tham gia vốn mạo hiểm, đồng đầu tư với Nhà nước, tiếp cận quỹ đổi mới sáng tạo.

Hệ sinh thái này tạo dòng tuần hoàn tri thức - công nghệ - vốn, giúp các kết quả nghiên cứu không nằm “đắp chiếu” mà đi vào đời sống.

3. Ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam:

- Tái cấu trúc mô hình tăng trưởng: Pháp luật mới đưa khoa học và công nghệ trở thành nền tảng của nền kinh tế số, thay đổi tư duy từ “tiết kiệm chi phí” sang “đầu tư cho tri thức”.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp: Các doanh nghiệp được tiếp cận ưu đãi thuế, tín dụng công nghệ, quỹ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm mới, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

- Gia tăng sức hấp dẫn với nhà đầu tư quốc tế: Sự minh bạch, thông thoáng của khung pháp lý giúp Việt Nam dễ dàng thu hút các tập đoàn công nghệ cao, trung tâm R&D, quỹ mạo hiểm quốc tế.

- Tạo nền tảng để hình thành “quốc gia đổi mới sáng tạo”: Theo đó, luật mới sẽ giúp nâng tỷ lệ đầu tư cho R&D, tăng số bằng sáng chế, công bố khoa học, thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ Việt vươn ra toàn cầu, đưa Việt Nam lên nhóm dẫn đầu Đông Nam Á về đổi mới sáng tạo.

Có thể nói, Luật Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo không chỉ là sự sửa đổi văn bản pháp lý, mà là cuộc cải cách tư duy quản lý nhà nước, mở đường cho mô hình phát triển mới dựa trên tri thức, công nghệ

và sáng tạo. Luật định hình một cách tiếp cận hoàn toàn mới: linh hoạt, thị trường, mở và chấp nhận rủi ro. Đây là nền tảng để Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên kinh tế số, cạnh tranh toàn cầu và phát triển bền vững.

Vậy vì sao lại khẳng định Luật Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo định hình một cách tiếp cận hoàn toàn mới cho phát triển quốc gia trong thời kỳ hội nhập? Sau đây là những lý do cơ bản:

1. *Chuyển từ “quản lý” sang “tạo lập hệ sinh thái”*: Các luật trước đây chủ yếu tập trung quản lý hoạt động khoa học - công nghệ, tức kiểm soát, cấp phép, tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong khi Luật mới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chuyển hẳn sang tư duy: Tạo điều kiện - khuyến khích - hỗ trợ; Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gồm nhà nước - doanh nghiệp - viện trường - cộng đồng khởi nghiệp. Đây là thay đổi căn bản trong phương thức phát triển: Nhà nước không kiểm soát là chính, mà đóng vai trò kiến tạo.

2. *Xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực phát triển quốc gia*: Nếu như trước đây, khoa học - công nghệ được nhìn nhận như một lĩnh vực chuyên môn, thì Luật mới đưa nó lên thành động lực phát triển quốc gia, tương đương các yếu tố chiến lược như: hạ tầng, thể chế, nhân lực chất lượng cao, nguồn lực số. Nghĩa là, từ “phụ trợ” trở thành trụ cột của tăng trưởng bền vững, phù hợp với mô hình phát triển của các quốc gia tiên tiến.

3. *Lần đầu tiên quy định cơ chế chính sách theo chuẩn mực quốc tế*: Các quy định mới đã tiệm cận mô hình quốc tế về các mặt: Tự chủ khoa học - công nghệ; Quỹ đầu tư mạo hiểm và tài chính cho đổi mới sáng tạo; Ưu đãi thuế cho R&D và doanh nghiệp công nghệ cao; Cơ chế sandbox thử nghiệm mô hình mới; Thương mại hóa tài sản trí tuệ do nhà nước tài trợ. Đây là những cơ chế mở, linh hoạt, cho phép Việt Nam hội nhập sâu với kinh tế sáng tạo toàn cầu.

4. *Đặt doanh nghiệp vào trung tâm của đổi mới sáng tạo*: Luật mới xác định doanh

ngành là chủ thể chính của đổi mới sáng tạo; là nơi tiếp nhận, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ; động lực để hình thành các ngành công nghiệp mới. Đây cũng là cách tiếp cận mới vì trước đây vai trò chính thuộc về viện nghiên cứu và trường đại học. Nay chuyển sang mô hình thị trường – doanh nghiệp dẫn dắt, giống mô hình OECD và các nền kinh tế tri thức.

5. *Khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn toàn cầu*: Luật mới tạo cơ chế: Thu hút chuyên gia nước ngoài; Cơ chế đãi ngộ đặc biệt cho nhà khoa học xuất sắc; Tự chủ tiền lương, tuyển dụng trong tổ chức khoa học và công nghệ Liên thông đào tạo - nghiên cứu - doanh nghiệp.

6. *Hài hòa với yêu cầu hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0*: Luật mới cũng tiếp cận các xu hướng mới về chuyển đổi số; dữ liệu mở, AI, blockchain, IoT; công nghệ sinh học; Kinh tế số và đổi mới sáng tạo mở. Qua đó tạo hành lang pháp lý cho Việt Nam tham gia các chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu và các hiệp định thương mại thế hệ mới (CPTPP, EVFTA...).

7. *Tạo ra khung pháp lý vượt ra ngoài phạm vi “khoa học – công nghệ”*: Không chỉ điều chỉnh hoạt động nghiên cứu, luật mới còn đổi mới sáng tạo trong quản trị công; phát triển sản phẩm quốc gia; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo; liên kết vùng và cụm đổi mới sáng tạo; các mô hình kinh doanh mới. Nghĩa là luật định hình toàn bộ phương thức phát triển chứ không chỉ điều chỉnh một ngành.

Có thể khẳng định luật Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025 định hình *một cách tiếp cận hoàn toàn mới* vì luật đã thực hiện: Chuyển từ quản lý sang kiến tạo và hỗ trợ; coi đổi mới sáng tạo là động lực trung tâm; tiệm cận chuẩn quốc tế trong chính sách phát triển; trao quyền lớn cho doanh nghiệp và thị trường; tạo hệ sinh thái sáng tạo, hội nhập sâu với thế giới. Đây là bước chuyển chiến lược từ mô hình tăng trưởng dựa vào tài nguyên – lao động sang mô hình dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN NHỮNG ĐỊNH HÌNH VỀ CÁCH TIẾP CẬN MỚI CỦA LUẬT KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 2025

Mặc dù Luật Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo mới đi vào thực hiện, nhưng đây là luật có nhiều đổi mới về tư duy, với định hình về cách tiếp cận mới, nên việc đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả luật mới cũng là điều cần thiết.

1. *Giải pháp về thể chế và mô hình quản trị*:

- Theo tinh thần của Luật mới: Chuyển từ “quản lý - xin cho” sang “tạo lập hệ sinh thái - dẫn dắt phát triển”, cần thiết kế pháp luật theo nguyên tắc quản lý rủi ro (risk-based regulation) thay vì kiểm soát chi tiết đầu vào.

- Quy định rõ quyền tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt trong nhân sự, tài chính và hợp tác quốc tế.

- Xây dựng cơ chế sandbox cho công nghệ mới (AI, GenAI, sinh học, dữ liệu mở...). Áp dụng mô hình “quản lý theo sứ mệnh”.

2. *Giải pháp về tài chính, đầu tư và cơ chế khuyến khích*:

- Để chuyển sang cơ chế “đầu tư mạo hiểm công” và “đồng tài trợ”, cần: Tạo Quỹ đầu tư mạo hiểm của Nhà nước (government VC) phối hợp với tư nhân; Thay cơ chế “nhà nước đặt hàng nghiên cứu” bằng đấu thầu mở - kết quả đầu ra; Thí điểm cơ chế ‘innovation vouchers’ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cải cách mạnh tài chính công trong R&D: Đơn giản hóa thủ tục nghiệm thu – quyết toán theo cơ chế khoán đặc biệt; Cho phép sử dụng kết quả nghiên cứu làm tài sản góp vốn.

3. *Giải pháp về dữ liệu, hạ tầng số và sở hữu trí tuệ*:

- Hình thành hạ tầng dữ liệu dùng chung: Phát triển data commons, chia sẻ dữ liệu giữa viện - trường - doanh nghiệp - cơ

quan nhà nước. Chuẩn hóa quyền truy cập, quyền khai thác dữ liệu trong nghiên cứu.

- Cải cách pháp luật về sở hữu trí tuệ: Cho phép tự động chuyển giao quyền sở hữu/chủ sở hữu kết quả từ nhà nước cho đơn vị thực hiện. Cơ chế định giá sở hữu trí tuệ, thương mại hóa minh bạch, dựa trên thị trường.

4. *Giải pháp về phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ:*

- Thu hút và trọng dụng nhân tài: Cơ chế hợp đồng linh hoạt, cho phép chuyên gia làm việc theo nhiệm vụ (task-based). Cơ chế trả thưởng: thị thực chuyên gia, lương theo thị trường, mua sắm thiết bị nhanh.

- Phát triển đội ngũ đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp: Đào tạo CTO, CIO, data scientist. Hỗ trợ doanh nghiệp hình thành phòng R&D, trung tâm đổi mới sáng tạo.

5. *Giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo:*

- Chính sách R&D tax incentives (khấu trừ thuế mạnh cho đầu tư nghiên cứu).

- Hỗ trợ chuyển đổi số theo mô hình maturity model. Ưu tiên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong mua sắm công. Xây dựng khu thử nghiệm (testbed) cho công nghệ mới.

6. *Giải pháp liên kết viện - trường - doanh nghiệp:*

- Hình thành liên minh đổi mới sáng tạo

theo ngành/mục tiêu (innovation clusters).

- Trung tâm chuyển giao công nghệ hoạt động theo mô hình tự chủ - doanh nghiệp hóa.

- Cơ chế chia sẻ lợi ích rõ ràng: *doanh nghiệp - nhà khoa học - tổ chức chủ trì.*

7. *Giải pháp quốc tế hóa hệ sinh thái khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:*

- Tham gia sâu vào các chương trình tài trợ quốc tế (Horizon, COP, ASEAN STI Fund...).

- Thu hút tập đoàn công nghệ toàn cầu đặt R&D hub tại Việt Nam.

- Khuyến khích tổ chức nghiên cứu nước ngoài hoạt động tại Việt Nam với cơ chế đặc thù.

8. *Giải pháp giám sát, đánh giá và minh bạch:* Áp dụng KPIs cấp quốc gia cho khoa học và đổi mới sáng tạo. Hệ thống đánh giá tác động chính sách (ex-ante, mid-term, ex-post). Công khai dữ liệu tài trợ khoa học và kết quả nghiên cứu.

Luật Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025 hướng tới chuyển đổi mô hình quản lý, tạo lập hệ sinh thái mở, thúc đẩy doanh nghiệp trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, tăng tự chủ - minh bạch - hiệu quả, và hội nhập quốc tế sâu rộng. Các giải pháp đi kèm bao gồm: cải cách thể chế, đổi mới tài chính, phát triển nguồn lực, liên kết 3 nhà, hiện đại hóa hạ tầng dữ liệu - Sở hữu trí tuệ, và thiết lập cơ chế thử nghiệm.../.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (2025, 93/2025/QH15)
2. Nghị định 267/2025/NĐ-CP: hướng dẫn chi tiết nhiều điều luật về nhiệm vụ khoa học-công nghệ, rủi ro, hỗ trợ,...
3. Nghị định 265/2025/NĐ-CP: chi tiết về tài chính, đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.
4. Nghị định 263/2025/NĐ-CP: cơ chế tự chủ,

tự chịu trách nhiệm cho tổ chức khoa học công lập.

5. Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” - là nền tảng chính trị quan trọng cho Luật Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo
6. “10 điểm đổi mới nổi bật trong Luật Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo” (chinhphu.vn)